

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

¹
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 730/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 24-8-2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Thanh
2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1133/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1982; (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Sử V, sinh năm 1981; (có mặt)

Cùng địa chỉ: 25/27 Văn C, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ có ông Dương Hoài Vân- Luật sư của Công ty luật TNHH một thành viên Vân Hoàng Minh- Thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nhận ngày 21/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Phạm Thị Đ trình bày:

Bà và ông Lê Sử V tự nguyện²chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183 quyền số 01/2007 ngày 20/11/2007 do UBND phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ 25/27 Văn Cao, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới nhau hai bên chung sống rất hạnh phúc. Nhưng sau đó hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm về cách cư xử, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên gây gổ, tranh cãi với nhau. Ông bà đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không thể hàn gắn. Ngoài ra ông Việt nuôi gà đá, nợ nần để bà phải trả, đi đâu thì hay gây sự với người ngoài, hay dùng gỏi để dè lên mặt để uy hiếp giết bà, có lần mua thuốc chuột về nhà đe dọa tính mạng của bà, ngoài ra ông Việt hay đánh đập con. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu tòa án cho ly hôn.

Về con chung: bà và ông Việt có 01 con chung: Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 12/12/2009. Khi ly hôn bà Phạm Thị Đ xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Việt cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện tại con đang sống và đi học gần nhà, bà sống chung với cha mẹ và cháu K cũng vậy.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Lê Sử V trình bày:

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông khai : Kết hôn xong chúng tôi sống tại Nhà Bè được vài tháng. Vì công việc buôn bán của vợ nên ông bà thuê nhà một vài chỗ tại quận Tân Phú để vợ tôi đi lại thuận tiện trong việc buôn bán. Sau đó ông bà dọn về ở cùng với gia đình vợ từ khoảng năm 2011 cho đến nay. Vì áp lực công việc vợ chồng thỉnh thoảng có tranh cãi một vài câu. Cãi xong lại thôi, ông bà vẫn vui vẻ như bình thường. Ông không đánh bạc, ông nuôi gà vì gà đẹp và bán, ông đã không còn nuôi gà khoảng 02 tháng nay, về nợ thì ông cũng đóng góp để trả nợ chứ không phải một mình bà Đ trả. Nay ông mong muốn sống chung bình thường ông xin được ly thân khi con lớn 18 tuổi thì ly hôn cũng được. Ông V cho rằng chỉ đánh con khi con không nghe lời đó là ông dạy con. Vì con đang học lớp 6 nên ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con khi phát triển nên xin được ly thân.

Về con chung: bà Đ và ông V có 01 con chung: Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 12/12/2009. Khi ly hôn ông V xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con, và ông sẽ đưa con về huyện Nhà Bè để sinh sống, ông chỉ có thể lo cho con ở mức đi học trường bình thường, không học anh văn, ở nhà có anh chị và cha mẹ ông sẽ chăm sóc đưa con ông đi học.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bé Nguyễn Hoàng Anh K trình³bày:

Bố cháu tên là Lê Sử V và mẹ cháu tên là Phạm Thị Đ. Khi bố mẹ ly hôn cháu không biết sống chung với ai.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên.
- Bị đơn không đồng ý ly hôn, chỉ xin được ly thân.

Luật sư có ý kiến :

Về con chung thì đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đề cho bà Doan trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì cháu sống với bà Đ và gia đình đã hơn 8 năm nay và đang đi học tại trường gần nhà, mỗi tháng ngoài việc học công lập ra thì bà còn cho con học anh văn chi phí lên đến 3 triệu đồng một tháng, xét về điều kiện thì bà Doan có thu nhập cao hơn ông V (trên 20.000.000 đồng/01 tháng) và quan trọng là cháu đang ổn định sống ở quận Tân Phú tốt hơn cho cháu, khi chuyển chỗ ở mới sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Bà Đ có công việc ổn định và có nhân viên phụ bán quần áo, bà có thể đưa đón con đi học tốt hơn.

Ông V có ý kiến tranh luận : Luật sư cho rằng sống tại quận Tân Phú tốt hơn huyện Nhà Bè ông cho rằng không chính xác, vì ở nhà vợ có đông cháu mà khi đi học về mỗi cháu đều sử dụng 01 điện thoại để chơi game nên trẻ K ở với gia đình vợ là không tốt. Về việc học hành của con thì ông cho rằng học ở trường công là đủ không cần thiết phải học thêm tiếng anh. Ông cũng không đồng ý ly hôn, ông chỉ đồng ý ly thân đến khi con đủ 18 tuổi mới ly hôn.

Đại diện VKSND quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đ , về quan hệ hôn nhân bà Đ ly hôn ông V. Giao con chung là Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 12/12/2009 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 183 quyển số 01/2007 ngày 20/11/2007 do UBND phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh thì có cơ sở xác định quan hệ hôn

nhân giữa bà Phạm Thị Đ và ông Lê Sử⁴V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà Đ yêu cầu ly hôn, ông Việt hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc bà Phạm Thị Đ yêu cầu ly hôn với ông Lê Sử V:

Căn cứ việc xét hỏi và phần tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Đ và ông V là có thật. Cuộc sống vợ chồng xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau, cả hai vợ chồng chưa thực sự có những buổi nói chuyện để giải quyết các bất đồng, tại các buổi hòa giải hai bên không có tiếng nói chung, và thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Đ nhất quyết giữ yêu cầu ly hôn vì không còn tình yêu với ông V, bà sợ những lần ông Việt đe dọa đến tính mạng của bà như dè gỏi lên mặt.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành xác minh tại địa phương và tại các buổi hòa giải được biết mâu thuẫn vợ chồng bà Đ ông V đã lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cho ông V và bà Đ từ tháng 12/2019 đến nay để hàn gắn tình cảm, nhưng các bên vẫn không hòa giải đoàn tụ thành. Mặt khác, bà Đ cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông V, không muốn tiếp tục chung sống với ông V nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân là sự tự nguyện cả hai bên, mà mâu thuẫn vợ chồng bà Đ và ông V đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Bà Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

Về con chung:

Bà Đ và ông V có 01 con chung: Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 12/12/2009. Cả hai bên đều yêu cầu nuôi con không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ, điều kiện sinh sống, tâm sinh lý và sự phát triển của trẻ. Căn cứ bản tự khai của cháu: khi bố mẹ ly hôn cháu không biết sống chung với ai, cháu phát triển bình thường, hiện đang sống với bà Đ và đang đi học ở trường Phan Chu Trinh gần nhà, Hội đồng xét xử xét thấy cháu đã sống ổn định với gia đình bà Đ gần 8 năm, bà cũng có chỗ ở rõ ràng, đang đi học ở trường cố định và phát triển bình thường, việc chuyển chỗ ở và môi trường học có thể ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Đồng thời, từ trước đến nay K cháu chủ yếu do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, xét thấy việc bà Đ yêu cầu được nuôi con là hoàn toàn phù hợp với lợi

ích của cháu và phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

Về cấp dưỡng nuôi con:

- Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Đ không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Do đó, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Bà Đ và ông V yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đ và ông V khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Đ tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Đ :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ ly hôn với ông Lê Sử V.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Sử Đ với ông Lê Sử Đ (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 183 quyền số 01/2007 ngày 20/11/2007 do UBND phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh cấp) chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Anh K, sinh ngày 12/12/2009 cho bà Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Sử V do bà Đ không yêu cầu.

+ Ông V có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: ông V và Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông V và Bà Đ khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Đ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020037 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà Đ đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh ;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Mỹ